

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 3 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Phong;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Cẩm Q, sinh năm 1992 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Ấp An P, xã An N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Duy T, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp An L, xã An B, thị xã H (nay là khóm An L, phường An B, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Cẩm Q trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015, chị Q kết hôn với anh Lê Duy T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Kết hôn trên tinh thần tự nguyện và thống nhất hai bên, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lê Duy T ăn chơi, đá gà, bài bạc,

chị Q khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn ăn chơi nhiều hơn, chị Q và anh T đã sống ly thân từ năm 2016, chị Q về nhà mẹ ruột tại ấp An P, xã An N, huyện C sinh sống, còn anh T về quê nhà tại ấp An L, xã An B (nay là phường An B) sinh sống, chị Q sống ly thân để mong anh T chăm lo làm ăn, nhưng anh T không làm ăn mà chỉ lo chơi đá gà, bài bạc, không chịu đựng được nên khoảng tháng 5/2020 chị Q có nộp đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) H, tuy nhiên, chị Q đã rút đơn khởi kiện một lần để tạo điều kiện tha thứ cho anh T, mong anh T thay đổi. Tuy nhiên, anh T vẫn không chịu sửa đổi bản thân. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị Q và anh T không còn liên lạc với nhau được nữa.

Nay, chị Lê Thị Cẩm Q yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Cẩm Q yêu cầu ly hôn với anh Lê Duy T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Chí T 1, sinh ngày 04/02/2015, từ khi ly thân (năm 2016) đến nay, con sống cùng chị Q nên chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Lê Duy T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đã triệu tập và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Lê Duy T đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Lê Duy T không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đến Tòa án nhân dân thành phố H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị Cẩm Q và anh Lê Duy T được ly hôn; về con chung: Chị Cẩm Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Chí T 1, sinh ngày 04/02/2015 (cháu T 1 đang sống chung với Chị Cẩm Q); về cấp dưỡng: Chị Cẩm Q không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết, Chị Cẩm Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Duy T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Chị Lê Thị Cẩm Q khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Cẩm Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lê Duy T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Lê Thị Cẩm Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Lê Duy T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 27 tháng 3 năm 2015, Chị Lê Thị Cẩm Q và anh Lê Duy T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lê Duy T ăn chơi, đá gà, bài bạc, chị Q khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn ăn chơi nhiều hơn, chị Q và anh T đã sống ly thân từ năm 2016, chị Q về nhà mẹ ruột tại ấp An P, xã An N, huyện C sinh sống, còn anh T về quê nhà tại ấp An L, xã An B (nay là phường An B) sinh sống, chị Q sống ly thân để mong anh T chăm lo làm ăn, nhưng anh T không làm ăn mà chỉ lo chơi đá gà, bài bạc, không chịu đựng được nên khoảng tháng 5/2020, chị Q có nộp đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) H, tuy nhiên, chị Q đã rút đơn khởi kiện một lần để tạo điều kiện tha thứ cho anh T, mong anh T thay đổi. Tuy nhiên, anh T vẫn không chịu sửa đổi bản thân. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị Q và anh T không còn liên lạc với nhau được nữa.

[4] Chị Cẩm Q nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được; đồng thời, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo thụ lý vụ án,... nhưng anh Lê Duy T cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị Cẩm Q. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung: Chị Cẩm Q xin được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Chí T 1, sinh ngày 04/02/2015, còn anh Lê Duy T cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin nuôi con của Chị Cẩm Q, xét thấy Chị Cẩm Q đang trực tiếp nuôi 01 người con chung tên Lê Chí T 1 phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và cháu Lê Chí T 1 đang sống chung với chị Q. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Chị Cẩm Q là người trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Chí T 1, nhưng Chị Cẩm Q không yêu cầu anh Lê Duy T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về hôn nhân: Chị Cẩm Q và anh Lê Duy T được ly hôn; về con chung: Chị Cẩm Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Chí T 1, sinh ngày 04/02/2015 (cháu T 1 đang sống chung với Chị Cẩm Q); về cấp dưỡng: Chị Cẩm Q không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết, Chị Cẩm Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Duy T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, chị Lê Thị Cẩm Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Lê Duy T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm Q và anh Lê Duy T được ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Chí T 1, sinh ngày 04/02/2015.

(Cháu Lê Chí T 1 đang sống chung với chị Lê Thị Cẩm Q).

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Cẩm Q không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Cẩm Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0001420 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp; chị Lê Thị Cẩm Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình;

Anh Lê Duy T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Chị Lê Thị Cẩm Q và anh Lê Duy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- UBND xã An N, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung